SAO Y; BỆNH VIỆN ĐA KHOA TRÀ VINH; Thời gian ký: 2026-03-02T08:05:29+07:00

SỞ Y TẾ TỈNH VĨNH LONG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TRÀ VINH

Số: 23 /YCBG-BVĐKTV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Long, ngày 02 tháng 3 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa Trà Vinh có nhu cầu báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu **mua hóa chất, vật tư tiêu hao** với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Trà Vinh.
2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm nhận báo giá: Lê Thị Bích Hạnh nhân viên phòng Vật tư Thiết bị y tế Bệnh viện Đa khoa Trà Vinh SĐT 0907.704.045.
3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Gửi về Phòng VT-TBYT Bệnh viện Đa khoa Trà Vinh Số 399 Đường Nguyễn Đáng, Phường Nguyệt Hoá, tỉnh Vĩnh Long. SĐT: 0294 3862 553.
4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 8h ngày 02 tháng 3 năm 2026 đến trước 17h ngày 11 tháng 3 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ ký

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hàng hóa chi tiết:
2. Địa điểm cung cấp: Phòng Vật Tư- TBYT, Bệnh Viện Đa Khoa Trà Vinh
3. Thời gian giao hàng dự kiến: 07 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Sẽ được thiết lập khi thương thảo hợp đồng.

Ghi chú:

Lưu ý: Đơn vị gửi báo giá theo mẫu báo giá đính kèm.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:VT, VT- TBYT.

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH VĨNH LONG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TRÀ VINH

BSCKII.Diệp Duyên Anh

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TRÀ VINH

Phụ lục

(Đính kèm yêu cầu báo giá số: 23 YCBG/BVĐKTV ngày 02/3/2025)

Stt	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Nẹp đùi gỗ L	Chất liệu: gỗ. Dài ≥100cm x rộng ≥ 9cm x bảng L: dài ≥ 20cm x rộng ≥ 9cm	Cái	1.500
2	Nẹp tay gỗ	Chất liệu: gỗ. Dài ≥ 60cm x rộng ≥ 5cm (bộ 2 cây)	Bộ	2.000
3	Film X quang kỹ thuật số 35cm*43cm	- Kích cỡ 35x43cm (14x17 in) - Công nghệ in phim khô laser - Độ tương phản: Từ 0.6 đến 2.0 - Phim có nền xanh, với nền Polyester dày 7-mil - Tương thích với các máy in Hãng Carestream - Xuất xứ: các nước G7	Tấm	36.000
4	Film X quang kỹ thuật số 35cm*43cm	Kích cỡ: 35cm x 43cm - Phim khô kỹ thuật số công nghệ in laser - Tương thích với các dòng máy in Drypix series & Tự động nhận diện được số lượng phim thay hộp mới - Xuất xứ: Các nước công nghiệp phát triển G7	Tấm	120.000
5	Film kỹ thuật số 26cm*36cm	Kích cỡ: 26cm x 36cm - Phim khô kỹ thuật số công nghệ in laser - Tương thích với các dòng máy in Drypix series & Tự động nhận diện được số lượng phim thay hộp mới - Xuất xứ: Các nước G7	Tấm	180.000
6	Môi trường cấy thạch kỵ máu	Đĩa 90mm. Môi trường tươi mới, thể tích 25mL, dày 5mm, đồng nhất, không đọng nước, không có bọt, không bị nhiễm. Thành phần: Peptone, Yeast extract,Sodium chloride, Soluble Starch, Glucose, Sodium pyruvate, L-Arginine, Sodium succinate, L-cysteine HCl, Sodium bicarbonate, Iron (III) pyrophosphate, Haemin,Menadione, Dithiothreitol, Agar,	Hộp	10

		Nước cất vừa đủ., Sheep blood. pH 6.8 ± 0.2 ở 25°C		
7	Môi trường cấy CA	Đĩa 90mm. Môi trường tươi mới, thể tích 25mL, dày 5mm, đồng nhất, không đọng nước, không có bọt, không bị nhiễm. Thành phần: Special peptone, Soluble starch, Sodium chloride, Horse blood, Agar, Nước cất vừa đủ. pH: 7.3 ± 0.2 ở 25°C	Hộp	10
8	Môi trường cấy MHA	Môi trường dùng để bảo quản và chuyên chở các loại bệnh phẩm dùng trong xét nghiệm nuôi cấy tìm vi khuẩn kỵ khí. Thời gian bảo quản bệnh phẩm 24 giờ ở nhiệt độ thường hoặc 2 - 8oC. Thành phần:Pancreatic digest of casein,Yeast extract, Glucose, Sodium chloride, L-Cystine, Sodium thioglycollate,Nước cất vừa đủ. pH 7.1 ± 0.2 ở 250C	Hộp	10
9	Đĩa Kháng sing giấy Penicillin G	- Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy được tẩm Penicillin G có nồng độ 10 units	Hộp	1
10	Đĩa kháng sinh giấy Metronidazole	- Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy được tẩm Metronidazole có nồng độ 10 units	Hộp	1
11	Đĩa kháng sinh giấy Ceftriaxone	- Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy được tẩm Ceftriaxone có nồng độ 10 units	Hộp	1
12	Đĩa kháng sinh giấy Meropenem	- Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy được tẩm Meropenem có nồng độ 10 units	Hộp	1

13	Đĩa Kháng sing giấy Clindamycin	- Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy được tẩm Clindamycin có nồng độ 2 µg	Hộp	1
14	Đĩa Kháng sing giấy Amoxicillin-clavulanicacid	- Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy được tẩm Amoxycillin/Clavulanic acid có nồng độ 20/10 µg	Hộp	1
15	Panel định danh vi khuẩn kỵ khí	Chủng loại: Hóa chất xét nghiệm - Được sử dụng để định danh nhanh các vi khuẩn kỵ khí được phân lập từ các mẫu bệnh phẩm lâm sàng - Gồm có ≥ 20 cơ chất đã khử nước - Đóng gói: 20 panel/hộp - Điều kiện bảo quản: nhiệt độ từ 2 đến 8 độ C hoặc rộng hơn	Hộp	3
16	Gói tạo môi trường và chất chỉ thị kỵ khí(gói GasPak)	Tạo khí trường thích hợp để hỗ trợ việc phân lập và nuôi cấy ban đầu các vi khuẩn kỵ khí bằng cách sử dụng các gói tạo khí với chất chỉ thị kèm theo bên trong các hộp ủ đa dụng. - Gói tạo khí có chứa các thành phần: cacbonat vô cơ, than hoạt tính, axit ascorbic và nước. - Gói tạo khí sẽ cung cấp khí trường phù hợp cho vi khuẩn kỵ khí: tạo ra khí trường kỵ khí với ít hơn 1% oxi và nhiều hơn hoặc bằng 13% CO2 trong 24 giờ ủ.	Hộp	5
17	Môi trường BacterTube™ Carybac(môi trường được sử dụng để bảo quản và vận chuyển mẫu nuôi cấy kị khí)		Hộp	2
18	Chai cấy máu kỵ khí		Hộp	5

19	Bình nuôi cấy kỵ khí		Hộp	3
20	Chủng ATCC		Hộp	3